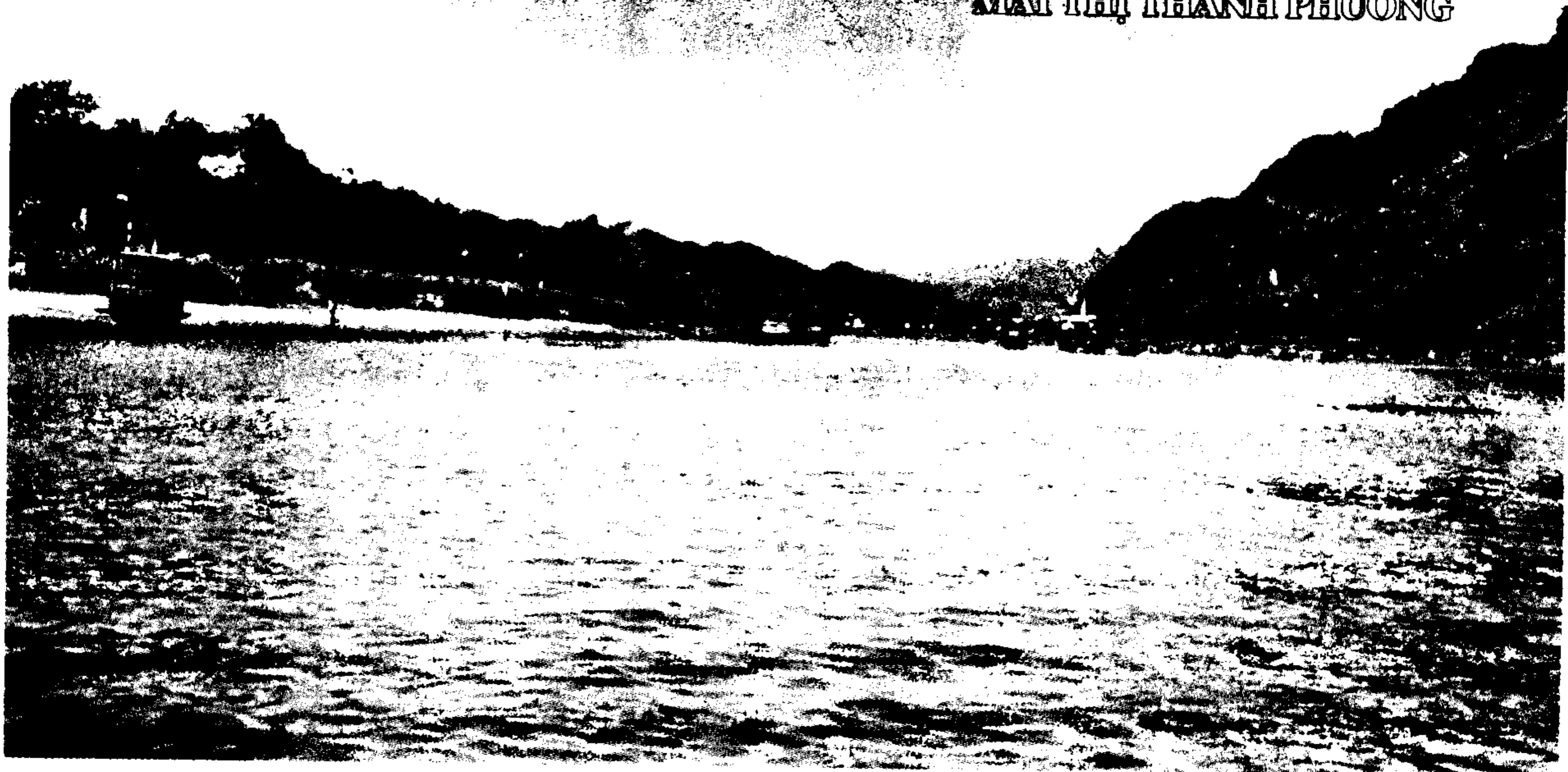


ĐA DẠNG SINH HỌC CÁ SÔNG GIANH QUẢNG BÌNH

MAI THỊ THANH PHƯƠNG



Quảng Bình nằm ở $16^{\circ}55'08'' - 18^{\circ}05'12''$ vĩ độ Bắc, $105^{\circ}36'55'' - 107^{\circ}00'$ kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh (136,5km đường biên), phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị (78,8 km đường biên), phía Đông giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 116 km và phía Tây giáp tỉnh Khăm Muộn và Savanakhet của CHDCND Lào với đường biên giới dài 201,9km.

Về khí hậu, Quảng Bình nằm trong đới khí hậu gió mùa chí tuyến, á đới nóng ẩm. Quảng Bình có khí hậu mang tính chất chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam với nét đặc trưng là vào tháng lạnh nhất, nhiệt độ xuống dưới 18°C . Nhiệt độ trung bình của Quảng Bình là $24^{\circ}\text{C} - 25^{\circ}\text{C}$, tăng dần từ Bắc vào Nam, từ Tây sang Đông. Cân bằng bức xạ năm đạt $70 - 80\text{kcal/cm}^2$. Số giờ nắng bình quân năm khoảng 1.700 - 2.000 giờ. Nhìn

chung khí hậu Quảng Bình cũng khá khắc nghiệt.

Sông Gianh chảy trên địa phận tỉnh Quảng Bình, bắt nguồn từ khu vực ven núi Cô Pi cao 2.017m thuộc dãy Trường Sơn, chảy qua địa phận các huyện Minh Hoá, Tuyên Hoá, Quảng Trạch. Ngoài ra còn có chi lưu sông Sơn bắt nguồn ở xã Thượng Trạch - huyện Bố Trạch và chảy qua động Phong Nha - Kẻ Bàng sau đó sông Sơn nhập vào sông Gianh đổ ra biển Đông ở Cửa Gianh.

Sự phân hóa điều kiện địa hình và khí hậu đã tạo nên sự phong phú tài nguyên thiên nhiên, trong đó có các khu hệ cá nước ngọt.

Bài viết giới thiệu đa dạng sinh học cá sông Gianh góp phần vào phát triển và bảo vệ nguồn tài nguyên từ lâu đời đã gắn với cuộc sống của nhân dân ở đây.

I. Phương pháp nghiên cứu

Thời gian, địa điểm: Nghiên cứu khảo sát được tiến hành từ tháng 1/2009 - 8/2010, tại các xã Xuân Hóa, Thượng Hóa, Hồng Hóa, Hoá Thanh, Lâm Hóa, Kim Hóa, Phong Hóa và xã Thanh Trạch thuộc khu hệ sông Gianh - Quảng Bình.

Kết quả nghiên cứu đã thu được 874 mẫu cá, được định hình bằng dung dịch formalin 10% hoặc cồn 90° và bảo quản mẫu bằng formalin 5 - 7% hoặc cồn 75°, tại Phòng thí nghiệm Động vật - Khoa Sinh học - Trường Đại học Vinh.

Phân tích đặc điểm hình thái ngoài theo Pravdin (1973). Định danh các loài cá theo tài liệu của nhiều nhà ngư loại học trong và ngoài nước đang sử dụng ở Việt Nam: Nguyễn Văn Hào và cộng sự (2001, 2005a, 2005b), Mai Đình Yên (1978), Nguyễn Khắc Hường (1991), Nguyễn Nhật Thi (2000), Rainboth (1996), Kottelat (1996, 2001), Chen Yiyu et al (1998) và Freyhof & Serov (1999). Hệ thống sắp xếp theo William N. Eschmeyer (1998) và có bổ sung bằng các tài liệu khác.

II. Kết quả nghiên cứu

Qua phân tích, định loại đã xác định khu hệ sông Gianh có 123 loài cá, thuộc 94 giống, 49 họ và 12 bộ (xem bảng 1). Có 6 phenon chưa xác định tên khoa học là: *Hemiculter* sp, *Cobitis* sp,

Schistura sp, *Eleotris* sp, *Rhinogobius* sp, *Channa* sp.

Ở khu vực nghiên cứu có 5 loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 (chiếm 5,62%). Có 5 loài bậc VU đó là: *Anguilla marmorata*, *Nematalosa nasus*, *Konosirus punctatus*, *Acrossocheilus annamensis*, *Hemibagrus guttatus*.

Khu hệ cá sông Gianh có 2 loài đặc hữu của vùng miền Trung: *Cyprinus melanes*, *Hemibagrus centralus*, đây cũng là hai loài được người dân khai thác với sản lượng lớn.

Căn cứ vào mức độ khai thác và sử dụng của người dân sống trong khu hệ sông Gianh, nhận thấy có 41 loài cá có ý nghĩa kinh tế đối với địa phương chiếm 33,33% tổng số loài nghiên cứu (bảng 1), 7 loài cá làm cảnh và 7 loài cá phòng dịch. Ở đây ngoài những ngư dân khai thác cá tự nhiên lâu đời còn nhân dân thường ngày đi làm, tối về tham gia khai thác cá làm thức ăn chính hàng ngày, như vậy nguồn lợi cá đã gắn liền với người dân nơi đây.

Sự phân bố các loài cá ở các địa phương trong khu hệ nghiên cứu.

- Về số loài: Kim Hóa có số loài cá phân bố nhiều nhất: 55 loài (chiếm 44,72% tổng số loài khu vực nghiên cứu), tiếp đến là Xuân Hóa với 52 loài (42,28%), Thanh Trạch với 44 loài (35,77%)

Bảng 1: Sự phân bố các loài cá theo địa điểm nghiên cứu

Địa điểm	Số loài	%	Cá kinh tế	%	Cá làm cảnh	%	Cá phòng dịch	%
Lâm Hóa	32	26,02	18	14,63	5	4,07	4	3,25
Hóa Thanh	32	26,02	16	13,01	6	4,88	5	4,07
Hồng Hóa	33	26,83	13	10,57	5	4,07	6	4,88
Xuân Hóa	52	42,28	21	17,07	6	4,88	6	4,88
Thượng Hóa	29	23,58	16	13,01	3	2,44	5	4,07
Kim Hóa	55	44,72	25	20,33	7	5,69	6	4,88
Phong Hóa	12	9,76	13	10,57	3	2,44	4	3,25
Thanh Trạch	44	35,77	9	7,32	3	2,44	4	3,25

và loài ít nhất thuộc xã Phong Hóa với 12 loài (9,76%).

- Đối với cá có giá trị kinh tế thì ở địa điểm Kim Hóa có số loài nhiều nhất 25 loài (chiếm 20,33%), ít nhất là ở địa điểm Thanh Trạch có 9 loài (7,32% tổng số loài nghiên cứu ở đây).

Đặc biệt ở khu vực nghiên cứu có loài cá Chình hoa (*Anguilla marmorata*) và cá Sinh gai (*Varicorhinus (Onychostoma) gerlachi*) là loài đặc sản, có giá trị kinh tế rất cao. Nếu cá có khối lượng càng lớn thì giá trị càng cao (trung bình khoảng 250 - 300 nghìn/1kg). Tuy nhiên loài này đang được săn lùng đánh bắt quá mức, cần có biện pháp bảo tồn hợp lý. Ngoài ra, ở khu vực nghiên cứu có các loài cá Lăng Quảng Bình (*Hemibagrus centralus*), cá Dày (*Cyprinus melanes*) là được đánh bắt với sản lượng lớn ngoài tự nhiên. Qua nghiên cứu, đây là các loài có khả năng nuôi rất tốt nên cần chú ý nghiên cứu và phát triển nuôi trên diện rộng.

Qua điều tra và khảo sát tại chợ, ngư dân khai thác ở khu vực nghiên cứu cho thấy, sản lượng cá không cao chỉ đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương (chỉ có cá Chình hoa là được bán cho các nhà hàng). Các chợ chính như: Quy Đạt, Đồng Lê, Mai Hóa và chợ Thanh Trạch trung bình mỗi chợ chỉ đạt năng suất khoảng 25 - 30 kg/ngày, giảm so với trước đây khoảng 40 - 50%.

- Trong số 7 loài cá có ý nghĩa làm cảnh thì cá ở Kim Hóa có 7 loài, trong khi đó ở Thượng Hóa, Phong Hóa và Thanh Trạch chỉ có 3 loài. Do điều kiện kinh tế của người dân nơi đây, phong trào chơi cá cảnh ở khu vực nghiên cứu chỉ ở mức độ lẻ tẻ ở các hộ gia đình.

- Về các loài cá có ý nghĩa phòng dịch thì sự phân bố gần như đồng đều ở các địa điểm điều tra; thay đổi từ 4 loài (ở Lâm Hóa, Phong Hóa, Thanh Trạch) đến 6 loài (ở Hồng Hóa, Xuân Hóa, Kim Hóa) và 2 điểm có 5 loài (Hóa Thanh, Thượng Hóa). Các loài cá sống tự nhiên và cá cảnh, cá nuôi trong các vực nước có đặc tính ăn ấu trùng của muỗi làm giảm lượng muỗi trưởng thành, góp

phần vào việc phòng chống bệnh sốt rét và một số bệnh sốt xuất huyết rất nguy hại cho con người. Đồng thời một số loài cũng có tác dụng tiêu diệt sâu bệnh hại lúa. Dựa vào vai trò phòng dịch của cá, nhân dân có thể sử dụng những loài cá này để nuôi trong bể cảnh, bể nước để phòng dịch cho người và cây trồng. Biện pháp sinh học này có ưu điểm, không gây ô nhiễm môi trường, giá thành rẻ và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Ngoài ra quá trình điều tra cũng đã tìm hiểu được một số loài không chỉ cung cấp thực phẩm mà còn có tác dụng chữa được bệnh như: cá Trê, cá Chép, Luon... Người ta dùng mật và xương của một số loài cá này để chữa bệnh đái tháo đường, hậu sản, bồi bổ khí huyết.

Kết luận

Khu hệ sông Gianh có nguồn lợi cá tự nhiên đa dạng với 123 loài thuộc 94 giống, 49 họ và 12 bộ. Có 6 phenon chưa xác định tên khoa học là: *Hemiculter* sp, *Cobitis* sp, *Schistura* sp, *Eleotris* sp, *Rhinogobius* sp, *Channa* sp.

Ở khu vực nghiên cứu có 5 loài ghi trong Sách Đỏ Việt Nam năm 2007 (chiếm 5,62%). Có 5 loài bậc VU đó là: *Anguilla marmorata*, *Nematalosa nasus*, *Konosirus punctatus*, *Acrossocheilus annamensis*, *Hemibagrus guttatus*.

Sông Gianh có 2 loài đặc hữu của vùng miền Trung đó là *Cyprinus melanes*, *Hemibagrus centralus*.

Tại khu vực nghiên cứu có 41 loài cá có ý nghĩa kinh tế đối với địa phương chiếm 33,33% tổng số loài nghiên cứu, 7 loài cá làm cảnh và 7 loài cá làm phòng dịch (xem bảng 1).

Ở khu hệ cá sông Gianh nhận thấy, địa điểm Kim Hóa có số loài cá phân bố nhiều nhất: 55 loài (chiếm 44,72% tổng số loài khu vực nghiên cứu), tiếp đến là Xuân Hóa với 52 loài (42,28%), Thanh Trạch với 44 loài (35,77%) và loài ít nhất thuộc xã Phong Hóa với 12 loài (9,76%).

M.T.T.P

bius sp,
ghi trong
62%). Có
armorata,
unctatus,
nibagrus
c hữu của
melanes,
loài được
dụng của
nh, nhận
đối với địa
nghiên cứu
cá phòng
thác cá tự
đây đi làm,
ăn chính
n liền với
a phương
á phân bố
ng số loài
Hóa với 52
(35,77%)

%
3,25
4,07
4,88
4,88
4,07
4,88
3,25
3,25